

Số: 25 /BC-BCĐ

Kiên Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2020

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020

#### Phần thứ nhất

### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

#### I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

##### 1. Công tác tuyên truyền, vận động

Đài truyền thanh cấp huyện, tỉnh duy trì chuyên mục “Chung tay xây dựng nông thôn mới” phát sóng hàng tuần với hơn 117 tin bài.

Phát động Lễ ra quân thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn các ấp xã Phú Mỹ, Tân Khánh Hòa; huyện Giang Thành tổ chức 10 cuộc tuyên truyền về bảo hiểm y tế, kết quả đã vận động được 960 người dân mua bảo hiểm y tế.

Tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Vận động nhân dân thực hiện thấp sáng đường quê, làm hàng rào, cột cờ, tham gia làm hồ rác, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, giữ gìn vệ sinh môi trường trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh,... cụ thể: Huyện Châu Thành vận động nhân dân đóng góp 286 triệu đồng xây dựng 02 căn nhà cho hội viên, hộ dân nghèo, làm mới 4 cây cầu, sửa chữa 2,5 km đường giao thông nông thôn, đồng thời tổ chức thu gom 575 kg vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) chuyên đi xử lý theo quy định; huyện Giồng Riềng tổ chức chiến dịch ra quân vệ sinh môi trường trồng 1.300 cây hoa Hoàng Yến trên địa bàn xã Vĩnh Phú, Bàn Tân Định.

Hội Cựu chiến binh tỉnh đã tổ chức tuyên truyền cho cán bộ, hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức về cuộc vận động xây dựng nông thôn mới. Kết quả trong phong trào xây dựng nông thôn mới đã vận động hiến 5.526m<sup>2</sup> đất, 2,330 tỷ đồng, 1.977 ngày công, tham gia làm mới và sửa chữa 76 cây cầu các loại, làm mới, sửa chữa, nâng cấp, phát hoang 317km đường giao thông nông thôn, nạo vét 83,4 km kênh mương thủy lợi, vận động xây dựng tuyến đường “Thấp sáng đường quê” dài 17,6km, trị giá 339 triệu đồng, 78km tuyến đường hoa.



Tổ chức 17 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng là cán bộ, công chức tham gia công tác xây dựng nông thôn mới các cấp với khoảng 1.020 lượt người tham dự.

Ngoài ra, các cấp tổ chức tuyên truyền lồng ghép vào các cuộc họp Chi bộ, Tổ nhân dân tự quản, các chi hội đoàn thể và thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri được 659 cuộc với 21.305 lượt đoàn viên, hội viên và nhân dân tham dự.

## **2. Kết quả kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện**

Tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang và kiện toàn Hội đồng thẩm định và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới để thực hiện nhiệm vụ.

## **3. Ban hành cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện**

### *3.1. Đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới*

Trong năm đã ban hành và triển khai thực hiện một số văn bản như sau:

- Quyết định số 633/QĐ-UBND, 634/QĐ-UBND, 635/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh bổ sung một số nội dung tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2019-2020;

- Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí ấp nông thôn mới thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 về phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2019 từ nguồn ngân sách Trung ương và Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 24/01/2019, Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 10/5/2019, Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2019 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

- Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương Đề án Chương trình “Mỗi xã Một sản phẩm – OCOP” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 và Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thuyết minh Dự án “Sản xuất lúa, tôm giảm chi phí theo hướng cánh đồng lớn” tại tỉnh Kiên Giang năm 2019.

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

- Kế hoạch số 66/KH-BCĐ ngày 24/4/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh về Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Hướng dẫn số 651/HD-UBND ngày 28/5/2019 về Tổng kết phong trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020”.

### 3.2. Đối với Chương trình Giảm nghèo bền vững

UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh như: Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 phân bổ chi tiết kế hoạch vốn nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 09/8/2019 rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, hộ có mức sống trung bình năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019 về việc hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế (BHYT) từ ngân sách tỉnh đối với người thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không thiếu hụt BHYT) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; tham mưu ban hành Nghị quyết số 232/2019-NQHD ngày 26/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; tham mưu UBND tỉnh ban Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 về việc quy định bổ sung chấm điểm 02 đặc điểm “đất đai” và “chăn nuôi” trong phiếu B rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực thành thị; các văn bản được ban hành từ trước đến nay vẫn còn thực hiện.

### 4. Công tác kiểm tra, giám sát

Trong năm, Đoàn giám sát 1832 của tỉnh thực hiện Quyết định số 1832-QĐ/TU và Kế hoạch số 162-KH/TU, ngày 14/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giám sát việc tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 27/02/2013 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn các huyện: Giang Thành, Giồng Riềng, Hòn Đất, Châu Thành, U Minh Thượng. Qua kết quả giám sát nhận thấy:

+ Công tác triển khai, quán triệt, tuyên truyền, vận động nhân dân về xây dựng nông thôn mới, nhìn chung hầu hết các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể từ huyện đến cơ sở có sự chuyển biến nâng lên về nhận thức, có quyết tâm trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới, kết quả số xã đạt chuẩn nông thôn mới ngày càng được tăng lên và giữ vững.

+ Tuy nhiên, vẫn còn một số địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể hoá và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy còn chậm, việc tuyên truyền, vận động chưa được thường xuyên, liên tục, chưa thật sự sâu rộng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới còn hạn chế; một bộ phận nhân dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; đặc biệt là sự chênh lệch rất lớn giữa các huyện, qua 05 huyện được giám sát thì Giồng Riềng, Châu Thành và U Minh Thượng cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết về số xã đạt chuẩn (trên 50%), riêng Hòn Đất và Giang Thành số xã

đạt chuẩn chưa được 50%, cụ thể Giang Thành đạt 2/5 xã (40%), Hòn Đất đạt 4/12 xã (33,33%).

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

### **1. Kết quả huy động và phân bổ sử dụng nguồn lực thực hiện từng Chương trình**

#### *1.1. Đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới*

Năm 2018 chuyển tiếp sang 2019 tiếp tục thực hiện là 13,144 tỷ đồng (nguồn ngân sách Trung ương cho vốn đầu tư phát triển).

Năm 2019 đã tham mưu UBND tỉnh phân bổ các nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cụ thể như:

+ Nguồn vốn Trung ương là 167 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển là 123,5 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 43,5 tỷ đồng).

+ Nguồn vốn đối ứng, lồng ghép tỉnh là 894,433 tỷ đồng (đầu tư phát triển là 814,733 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 79,7 tỷ đồng).

#### *1.2. Đối với Chương trình Giảm nghèo bền vững*

Tổng vốn đầu tư cho Chương trình năm 2019 là 56,135 tỷ đồng. Trong đó: vốn Trung ương là 50,541 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 35,835 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 15,706 tỷ đồng); vốn ngân sách tỉnh đối ứng 4,594 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 2,238 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 2,356 tỷ đồng).

### **2. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ từng Chương trình**

#### *2.1. Đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới*

##### *2.1.1 Kết quả thực hiện từng nội dung tiêu chí*

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Thường xuyên chỉ đạo các xã thực hiện công tác quản lý, rà soát quy hoạch và có điều chỉnh, bổ sung quy hoạch gắn với quy hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

+ Giao thông nông thôn: khối lượng thực hiện được 496,4 km đường giao thông nông thôn, giá trị thực hiện là 455,8 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, tổng số km đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh được cứng hóa ước đến cuối năm 2019 là 6.081 km/7.084 km đạt 85,8%. Góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, thúc đẩy tiêu thụ nông sản, hàng hóa quy mô lớn, đồng thời góp phần thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn.

+ Điện nông thôn: Năm 2019 tổng vốn đầu tư cho điện sinh hoạt trên địa bàn tỉnh là 102,2 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngành điện đầu tư 40 tỷ đồng cho 78,78 km trung thế, 113,75 km hạ thế với tổng dung lượng trạm biến áp là 31.073 kVA; vốn đối ứng của tỉnh đầu tư 62,2 tỷ đồng cho 69 km trung thế, hạ thế 1 pha hỗn hợp 51 km, hạ thế 1 pha độc lập 53 km, hạ thế 3 pha hỗn hợp 2

km, hạ thế 3 pha độc lập 25 km, tổng dung lượng trạm biến áp 3.900 kVA. Đối với điện phục vụ bơm tát đầu tư 23,37 tỷ đồng từ vốn đối ứng tỉnh cho 8.207 ha diện tích sản xuất để thực hiện 27 km trung thế, hạ thế xây dựng mới 12 km, hạ thế cải tạo 2,4 km, tổng dung lượng trạm biến áp xây dựng mới 4.775 kVA, tổng dung lượng trạm biến áp cải tạo 163 kVA.

+ Hệ thống mạng lưới trường, lớp tiếp tục được sắp xếp theo quy hoạch và phân bổ đều trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để huy động tối đa số trẻ và học sinh trong độ tuổi đến trường. Tổng vốn được phân bổ năm 2019 là 63,570 tỷ đồng (nguồn vốn cân đối ngân sách), bố trí đầu tư 410 phòng học năm 2018 chuyển sang và bố trí đầu tư mới cho năm 2019 tu sửa 231 phòng học, xây mới 408 phòng học và 40 nhà vệ sinh, ước cuối năm 2019 giải ngân 97%. Đến nay, tổng số phòng học hiện có trên địa bàn tỉnh là 10.278 phòng.

- Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập:

+ Tổng số cánh đồng lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm trên các địa bàn toàn tỉnh đã thực hiện được 56 cánh đồng lớn với tổng diện tích 33.251 ha (chủ yếu tập trung ở các huyện: Hòn Đất, Gò Quao, Giang Thành, Châu Thành, Tân Hiệp và Kiên Lương). Nhìn chung, việc thực hiện các cánh đồng lớn đã giúp nông dân mạnh dạn áp dụng tốt quy trình canh tác lúa theo “1 Phải, 5 Giảm”, năng suất bình quân đạt cao hơn, giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận cao hơn so với ngoài mô hình, góp phần tăng tỷ lệ diện tích sản xuất lúa chất lượng cao trong cơ cấu sản xuất lúa của địa phương.

+ Tình hình nuôi trồng thủy sản tiếp tục ổn định, mặc dù dịch bệnh có xảy ra nhưng thấp hơn so với cùng kỳ. Qua đó đã góp phần nâng tổng sản lượng thu hoạch đạt khá so với kế hoạch và cùng kỳ, nhất là đối với mô hình nuôi tôm - lúa ở các huyện vùng U Minh Thượng. Ngoài ra tình hình nuôi tôm công nghiệp - bán công nghiệp đang dần chuyển đổi từ nuôi tôm công nghiệp theo truyền thống sang nuôi tôm công nghiệp 2 giai đoạn (hiện nay chiếm khoảng trên 70-80% diện tích nuôi tôm công nghiệp). Mô hình này đang đem lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp cũng như người dân về các mặt như: quản lý tốt thức ăn, hóa chất sử dụng; thời gian nuôi ngắn; dịch bệnh ít xảy ra; tỉ lệ sống cao và năng suất đạt từ 10-15 tấn/ha. Tuy nhiên, giá tôm nuôi không ổn định, ảnh hưởng nhiều đến việc đầu tư thả nuôi và thu nhập của người nông dân nhất là mô hình nuôi tôm công nghiệp - bán công nghiệp vùng Tứ giác Long Xuyên. Ngoài ra, việc bố trí lồng bè nuôi chưa phù hợp, không đảm bảo theo quy hoạch, mật độ cao, nguồn nước bị ô nhiễm, sử dụng thuốc kháng sinh tràn lan nên nguy cơ xảy ra dịch bệnh, thiệt hại luôn tiềm ẩn xảy ra ở mức cao.

+ Về hình thức tổ chức sản xuất, kinh tế hợp tác – hợp tác xã (HTX) luôn được giữ vững và phát triển: Thành lập mới 45 HTX nông nghiệp, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 398 HTX. Trong đó: Có 316 HTX trồng trọt, 75 HTX nuôi trồng thủy sản, 05 HTX tiểu thủ công nghiệp và 02 HTX chăn nuôi) với 31.274 thành viên tham gia, tổng số vốn điều lệ là 49,183 tỷ đồng và diện tích sản xuất là 52.486,08 ha; thành lập mới 93 Tổ hợp tác, nâng tổng số đến nay có 2.148 Tổ hợp tác, với tổng số 44.869 tổ viên, vốn góp 17.856 triệu đồng.

+ Qua các mô hình sản xuất tiên tiến, các hình thức tổ chức phù hợp, công tác đào tạo, giải quyết việc làm kịp thời đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn khoảng 46,2 triệu đồng/người/năm.

- Phát triển giáo dục:

+ Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm, hệ thống trường lớp được đầu tư, tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn xanh, sạch, đẹp và an toàn: Toàn tỉnh hiện có 277 trường đạt chuẩn quốc gia (tăng 20 trường so cùng kỳ) đạt 42,03% tổng số trường toàn tỉnh (mầm non 58 trường, tiểu học 135 trường, THCS 73 trường, tiểu học và THCS 02 trường và 09 trường THPT). Có 602 đơn vị, trường học đạt chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp và An toàn, đạt tỷ lệ 91,07%. Có 313 cơ sở giáo dục đã được kiểm tra công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (MN 82, TH 120, THCS 85, THPT 26), đạt 47,35% tổng số đơn vị, trường học (tăng 41 đơn vị so cùng kỳ). Có 145/145 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học (12 xã đạt mức độ 2, 133 xã đạt mức độ 3); đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (vào thời điểm tháng 12/2016). Tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS hai hệ đạt 88,58%, tăng 2,96% so cùng kỳ.

+ Chương trình đào tạo, chất lượng dạy và học được nâng lên, cụ thể: Mô hình trường học mới (VNEN) được tổ chức thực hiện ở 290 trường tiểu học với 105.860 học sinh tham gia; áp dụng mô hình dạy học Tiếng Việt lớp 1 - Công nghệ giáo dục, hiện có 1.451 lớp với 40.548 học sinh lớp 1 tham gia; tổ chức tập huấn cho cấp huyện về tăng cường tiếng Việt và chỉ đạo dạy học theo tài liệu “Em nói tiếng Việt” cho học sinh người dân tộc thiểu số chuẩn bị vào lớp 1; xây dựng thể lệ cuộc thi “Đồ dùng dạy học tự làm cấp tiểu học” và cuộc thi tiếng Anh cấp tiểu học - “Rung Chuông vàng”; tham gia ‘Ngày hội Pháp ngữ’ tại Cần Thơ, có 02 học sinh đạt giải Nhất trong cuộc thi thuyết trình dự án kinh doanh sản phẩm thủ công của địa phương và 01 học sinh được nhận suất học bổng trị giá 2 triệu đồng dành cho học sinh học tiếng Pháp đạt thành tích xuất sắc trong học tập.

- Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa:

+ Tình hình dịch bệnh được kiểm soát chủ động kịp thời không để dịch lớn xảy ra; Tăng cường tuyên truyền tư vấn khám phát hiện sớm và điều trị kịp thời có hiệu quả, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được nâng lên.

+ Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, tuyên truyền cổ động phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng đảm bảo thiết thực, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

+ Tổng số trạm cấp nước nông thôn hiện đang quản lý là 50 trạm và 02 hồ nước; tổng lượng cung cấp nước sạch ước thực hiện năm 2019 được 6.892.545 m<sup>3</sup> đạt 106,0 % kế hoạch; trong năm lắp đặt thêm 6.123 cái, nâng tổng số đồng hồ đã lắp đặt, quản lý đến nay được 55.282 cái. Góp phần nâng tỷ lệ hộ dân sử

dụng nước hợp vệ sinh ước thực hiện năm 2019 đạt 97,26% và sử dụng nước sạch 42,67%.

+ Tiếp tục chỉ đạo xử lý kịp thời các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường.

- Nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

+ Công tác đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ xã ấp được quan tâm, cán bộ xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; bố trí đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở theo quy định, Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính mà trọng tâm là tuyên truyền về nội dung kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; hiện nay thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh là 2.025 thủ tục, trong đó: Cấp tỉnh 1.619 thủ tục, cấp huyện 276 thủ tục, cấp xã 130 thủ tục; tiếp tục duy trì thực hiện cơ chế một cửa, một cửa điện tử tại 21/22 cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, 15/15 UBND huyện, thành phố.

+ Công tác phổ biến giáo dục pháp luật có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện. Nội dung tuyên truyền bám sát chủ trương, đường lối chính sách của đảng, các quy định của pháp luật, phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn. Hình thức tuyên truyền được đa dạng như: tổ chức hội nghị trực tuyến, lồng ghép các cuộc họp, trên báo đài,... kết quả đã tổ chức hơn 7.860 cuộc tuyên truyền trực tiếp với 277.255 lượt người tham dự, biên soạn, in ấn và cấp phát miễn phí 6.046 tài liệu.

- Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội: Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm tình hình, quản lý địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh trên địa bàn. Công tác huấn luyện diễn tập, tuần tra kiểm soát bảo vệ chủ quyền biển đảo được thực hiện tốt. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ổn định, không xảy ra các vụ chống đối nghiêm trọng, tranh chấp khiếu kiện một số nơi không phát sinh thêm.

### *2.1.2 Kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí (tính đến tháng 15/12/2019)*

Xã nông thôn mới: toàn tỉnh bình quân đạt 16,9 tiêu chí/xã, công nhận thêm 13/12 xã đạt chuẩn (108,3% kế hoạch năm 2019), lũy kế đến nay có 64/117 xã đạt chuẩn nông thôn mới (ngoài ra có thêm 04 xã: Phong Đông huyện Vĩnh Thuận, Đông Hưng và Đông Hưng B huyện An Minh, Gành Dầu huyện Phú Quốc đã được Hội đồng thẩm định tỉnh thông qua đang chờ UBND tỉnh quyết định công nhận) và các xã còn lại đạt từ 10 tiêu chí trở lên.

Xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và ấp nông thôn mới: đã ban hành Bộ tiêu chí đang chỉ đạo các địa phương rà soát áp dụng thực hiện chưa xét công nhận.

Huyện nông thôn mới: Lũy kế đến nay có 01/15 huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới là huyện Tân Hiệp. Đồng thời, huyện Vĩnh Thuận đang chuẩn bị hồ sơ thủ tục trình tỉnh thẩm tra kết quả huyện nông thôn mới.

### *2.1.3. Tình hình sử dụng nguồn vốn (tính đến ngày 20/12/2019)*

Nguồn ngân sách Trung ương đối với vốn đầu tư phát triển năm 2018 chuyển tiếp sang đã giải ngân được 6,769/13,144 tỷ đồng, đạt 51,1%, số còn lại đang tiếp tục được thực hiện theo quy định.

Nguồn ngân sách Trung ương năm 2019 đã giải ngân được 98,856/167 tỷ đồng, đạt 59,1%. Trong đó, vốn đầu tư phát triển giải ngân được 73,856/123,5 tỷ đồng, đạt 59,8%; vốn sự nghiệp giải ngân được 25/43,5 tỷ đồng, đạt 57,4%, số còn lại đang tiếp tục được thực hiện theo quy định.

Đối với nguồn đối ứng, lồng ghép của tỉnh đã được triển khai thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

## *2.2. Đối với Chương trình Giảm nghèo bền vững*

### *2.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giảm tỷ lệ nghèo trên địa bàn*

Theo kết quả rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019:

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 2,69%, giảm 1,45% so với năm 2018 (chỉ tiêu kế hoạch đề ra giảm từ 1 - 1,5%/năm). Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc: 4,7%, giảm 2,25% so với năm 2018.

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: 4,59%, giảm 0,09%. Tỷ lệ hộ cận nghèo dân tộc: 7,23%, giảm 0,05% so với năm 2018.

### *2.2.2. Kết quả triển khai thực hiện các chính sách về giảm nghèo*

- Hỗ trợ vốn:

+ Chương trình cho vay giải quyết việc làm: Dư nợ đạt 178,552 tỷ đồng, chiếm 5,21% tổng dư nợ với 6.564 khách hàng còn dư nợ, doanh số cho vay chương trình đạt 101,646 tỷ đồng với 2.713 lượt khách hàng được vay vốn.

+ Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên: Đến nay, dư nợ đạt 400,778 tỷ đồng, chiếm 11,7% tổng dư nợ, với 14.587 khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 44,473 tỷ đồng; doanh số thu nợ đạt 86,762 tỷ đồng.

+ Chương trình cho vay xuất khẩu lao động: Dư nợ đạt 6,713 tỷ đồng, chiếm 0,19% tổng dư nợ, với 279 khách hàng còn dư nợ, doanh số cho vay 0,614 tỷ đồng, với 8 lượt hộ được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 1,796 tỷ đồng;

- Dạy nghề: Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp đào tạo được 26.226 người. Trong đó: Cao đẳng 2.908 người; Trung cấp 2.733 người; sơ cấp và dạy nghề thường xuyên 20.625 người.



- Tạo việc làm: Toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 36.642 lượt người, trong đó: trong tỉnh 18.357 lượt người; ngoài tỉnh 18.125 lượt người và xuất khẩu lao động 160 người.

- Chăm sóc sức khỏe: Tỉnh đã cấp 48.252 thẻ BHYT cho người nghèo, 53.760 thẻ BHYT cho người cận nghèo, 86.848 thẻ BHYT cho người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn xã khó khăn, 166.190 thẻ BHYT cho người dân trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn, 104.954 thẻ BHYT cho người dân tại các xã đảo, 4.019 thẻ BHYT cho hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình. Giúp người dân có điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám và điều trị bệnh.

- Hỗ trợ nhà ở cho người nghèo: Chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở theo quyết định số 33/QĐ-TTg. Đến nay, dư nợ đạt 94,316 tỷ đồng, chiếm 2,75%, tổng dư nợ với 3.783 khách hàng còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 16,675 tỷ đồng với 667 khách hàng vay vốn. Ngoài ra, vận động tài trợ an sinh xã hội từ các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam hỗ trợ 98 căn nhà cho gia đình có công với cách mạng, người nghèo, kinh phí hỗ trợ là 4,780 tỷ đồng.

- Hỗ trợ tiền điện: Thực hiện hỗ trợ tiền điện 20.868 hộ với kinh phí 12,270 tỷ đồng, trong đó: 15.128 hộ nghèo thu nhập, kinh phí 8,895 tỷ đồng; 2.679 hộ có thành viên hưởng trợ cấp xã hội vùng có lưới điện, kinh phí 1,575 tỷ đồng; 817 hộ có thành viên hưởng trợ cấp xã hội vùng chưa có lưới điện, kinh phí 0,480 tỷ đồng; 2.244 hộ dân tộc thiểu số vùng chưa có lưới điện, kinh phí 1,319 tỷ đồng.

### *2.2.3 Kết quả thực hiện các mục tiêu, dự án thành phần của Chương trình năm 2019*

#### *a. Chương trình 30a*

- Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Đầu tư cơ sở hạ tầng 22,069 tỷ đồng (vốn Trung ương 20,581 tỷ đồng; tỉnh đối ứng 1,488 tỷ đồng). Duy tu bảo dưỡng công trình 1,107 tỷ đồng (vốn sự nghiệp).

- Kết quả thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Kinh phí phân bổ là 4,800 tỷ đồng (NSTW), kết quả cụ thể:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Các huyện đã triển khai thực hiện 10/13 dự án hỗ trợ cho 234 hộ, giải ngân 2/2,4 tỷ đồng, đạt 83,33%. Số dự án và kinh phí còn lại mới điều chỉnh nên chưa có tổng hợp.

+ Nhân rộng mô hình giảm nghèo: Các huyện đã triển khai thực hiện 11/14 dự án, hỗ trợ cho 233 hộ, giải ngân 2,100/2,400 tỷ đồng, đạt 87,5 %. Số dự án và kinh phí còn lại mới điều chỉnh nên chưa có tổng hợp.

- Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: Kinh phí phân bổ là 500 triệu

đồng (NSTW), kết quả cụ thể: Các huyện đã triển khai thực hiện hỗ trợ cho 2 đối tượng, giải ngân 30/500 triệu đồng, đạt 6%.

b. Chương trình 135

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: Kinh phí phân bổ ngân sách Trung ương (NSTW) là 15,254 tỷ đồng; ngân sách địa phương (NSDP) là 0,750 tỷ đồng.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Kinh phí phân bổ là 4,014 tỷ đồng (NSTW 3,166 tỷ đồng; NSDP 0,874 tỷ đồng).

c. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

Kinh phí phân bổ là 3,038 triệu đồng (NSTW 1,631 tỷ đồng; NSDP 1,407 tỷ đồng).

d. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Kinh phí phân bổ là 2,384 tỷ đồng (NSTW). Trong đó: Truyền thông giảm nghèo 0,874 tỷ đồng; Giảm nghèo về thông tin là 1,510 tỷ đồng. Cụ thể:

- Truyền thông giảm nghèo: Cấp tỉnh tổ chức 04 cuộc đối thoại hộ nghèo. Các huyện xây dựng 14 cụm pa nô tuyên truyền giảm nghèo tại 6 xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển thuộc 04 huyện: Giang Thành, Giồng Riềng, Minh Thượng và Gò Quao. Các xã đặc biệt khó khăn tổ chức 15 cuộc đối thoại hộ nghèo tại xã.

- Giảm nghèo thông tin: Tổ chức 7 lớp tập huấn cho cán bộ huyện, xã, làm công tác thông tin và truyền thông ở cơ sở tại các huyện: Kiên Hải, Phú Quốc, Giang Thành, Vĩnh Thuận, An Biên, An Minh, Hòn Đất với hơn 1.000 lượt học viên đại diện lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể huyện; Thường trực UBND, Văn phòng UBND, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã, cán bộ văn hóa, cán bộ truyền thanh và Trưởng ấp, khu phố. Nội dung tập trung tuyên truyền trật tự an toàn giao thông; các biện pháp phòng, chống dịch tả lợn châu phi, phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng... Hỗ trợ cho 15 Đài Truyền thanh huyện, thành phố mỗi đài 15 triệu xây dựng chương trình tuyên truyền giảm nghèo thông tin. Biên soạn 4.000 tài liệu tuyên truyền về lĩnh vực thông tin và truyền thông. Hỗ trợ 35 loa di động, 70 loa phóng thanh phục vụ công tác tuyên truyền cho 35 xã thuộc các huyện: Giang Thành (05 xã: Vĩnh Phú, Vĩnh Điều, Tân Khánh Hòa, Phú Lợi, Phú Mỹ); Kiên Hải (04 xã: Hòn Tre, Lại Sơn, Nam Du), Giồng Riềng (10 xã: Hòa Hưng, Hòa Lợi, Hòa An, Hòa Thuận, Ngọc Hòa, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phú, Thạnh Hưng, Thạnh Hòa, Thạnh Lộc), An Minh (06 xã: Đông Hòa, Đông Thạnh, Đông Hưng, Đông Hưng B, Tân Thạnh, thị trấn Thứ 11), Vĩnh Thuận (08 xã: Thị trấn Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam, Vĩnh Thuận, Tân Thuận, Phong Đông, Vĩnh Phong, Bình Minh), Phú Quốc (02 xã: Thổ Chu, Hòn Thơm). Đầu tư 04 cụm pa nô tuyên truyền cố định gồm: Xã Vân Khánh Đông, xã Tân Thạnh, huyện An Minh; xã Nam Thái, huyện An Biên; xã Phong Đông, huyện Vĩnh Thuận; đầu tư thiết bị truyền thanh xã: 08 cụm loa theo công nghệ mới cho xã Phong Đông,

huyện Vĩnh Thuận. Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; Thông tấn xã Việt Nam xây dựng nội dung tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở của tỉnh.

### **3. Đánh giá khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện các Chương trình**

#### *3.1. Đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới*

Thời gian qua, Bộ máy chỉ đạo, điều hành Chương trình các cấp được hình thành đồng bộ, tập trung triển khai các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 2,69%, số xã đạt chuẩn nông thôn mới ngày càng tăng, tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt cao so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 đạt 16,6 tiêu chí/xã, đến nay đã đạt 16,9 tiêu chí/xã).

Tuy nhiên, tình hình xây dựng nông thôn mới còn tồn tại một số vấn đề như: chất lượng môi trường ngày càng chuyển biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân nông thôn; sự quan tâm chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền còn hạn chế, chưa chủ động trong bố trí lồng ghép các chương trình; việc thực hiện cảnh quan môi trường, xử lý rác thải, chất thải chưa tốt, một số xã nhà vệ sinh trên sông vẫn còn; tỷ lệ các xã đạt chuẩn nông thôn mới giữa các huyện trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều, đến nay huyện An Biên chỉ có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

#### *3.2. Đối với Chương trình Giảm nghèo bền vững*

Công tác giảm nghèo được các ngành, các cấp, các địa phương quan tâm triển khai thực hiện. Cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các xã, ấp đặc biệt khó khăn Chương trình 135 và xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển được Trung ương và các đoàn thể chính trị xã hội, các tổ chức xã hội vận động hỗ trợ đầu tư xây dựng phục vụ sản xuất và dân sinh, tạo được sự chuyển biến phát triển góp phần giúp đời sống người nghèo từng bước được nâng lên. Nhận thức của một bộ phận người nghèo từng bước được nâng lên, tự giác chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giảm nghèo, thay đổi tập quán, tư duy trong sản xuất và trong đời sống, tích cực tham gia học tập và áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, tích lũy kinh nghiệm trong sản xuất, cần cù chịu khó trong lao động sản xuất, cần kiệm trong chi tiêu vươn lên thoát nghèo.

Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương từng lúc chưa chặt chẽ và chưa đồng bộ trong triển khai thực hiện các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Công tác giám sát, đánh giá thực hiện các chính sách, dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo tại một số huyện chưa thực hiện thường xuyên. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ còn gặp khó khăn.



**Phần thứ hai**  
**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2020**

**I. CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Mục tiêu phấn đấu**

Phấn đấu cuối năm 2020 tham mưu UBND tỉnh công nhận thêm 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới, có ít nhất 02 xã nâng cao và 01 xã kiểu mẫu, nâng tổng số xã toàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới là 79/117 xã, chiếm 67,5%. Đề nghị Trung ương xét công nhận 04 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới (Vĩnh Thuận, Giồng Riềng, Gò Quao, Kiên Lương) và thành phố Hà Tiên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

**2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp. Bố trí cán bộ công chức chuyên trách Văn phòng điều phối cấp tỉnh, huyện và cán bộ chuyên trách cấp xã theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để làm tốt công tác giúp Ban Chỉ đạo các cấp triển khai thực hiện chương trình.

Tập trung chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện nguồn vốn được phân bổ năm 2020, đối với vốn đầu tư phát triển ưu tiên đầu tư xây dựng cho các nội dung như: giao thông, thủy lợi nội đồng, điện, trường học, trạm y tế, môi trường; đối với nguồn vốn sự nghiệp tập trung triển khai đầu tư cho các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện địa phương, mang lại hiệu quả, có tính nhân rộng, đồng thời gắn với chuỗi giá trị sản xuất - tiêu thụ, đảm bảo an toàn thực phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Tăng cường công tác chỉ đạo các sở ngành tỉnh phối hợp với các địa phương hoàn thành hồ sơ thủ tục tham mưu UBND tỉnh trình Trung ương thẩm định xét công nhận huyện nông thôn mới, thành phố hoàn thành nông thôn mới.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành chỉ tiêu đạt kế hoạch xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu và ấp nông thôn mới.

Triển khai thực hiện Đề án Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2019-2020 và định hướng đến năm 2025.

Tiếp tục thực hiện các Dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm tạo vùng sản xuất tập trung phù hợp với điều kiện từng vùng góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Rà soát, xây dựng kế hoạch tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho các đối tượng cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã làm công tác xây dựng nông thôn mới nắm bắt những chủ trương, chính sách mới về Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện, thành phố.

## **II. ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

### **1. Mục tiêu phấn đấu**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân 1% (riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm 2%/năm), hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm từ 1,5% - 2% theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp và chứng chỉ đạt 50%.

- Số người được giải quyết việc làm 35.000 lượt người trở lên.

### **2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

2.1. Tập trung thực hiện đồng bộ các chính sách, dự án giảm nghèo; gồm các chính sách, dự án hỗ trợ tăng thu nhập cho hộ nghèo và chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Giải pháp tăng thu nhập, gồm: Tiếp tục cho vay vốn tín dụng ưu đãi hỗ trợ điều kiện sản xuất cho người nghèo, cận nghèo và thoát nghèo; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hướng dẫn, chuyển giao khoa học-kỹ thuật, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, trợ giúp pháp lý cho người nghèo; nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo, đẩy mạnh công tác truyền thông và giám sát đánh giá.

- Giải pháp hỗ trợ tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, gồm: Tập trung hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch vệ sinh môi trường, đầu tư cơ sở vật chất thông tin truyền thông và cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã, ấp đặc biệt khó khăn.

2.2. Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các ấp, khu phố, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người nghèo về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020; nâng cao ý thức người dân trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, tự trang bị cho gia đình các phương tiện để nâng lên chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

2.3. Tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo, trong đó tập trung thực hiện các dự án "Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, ấp đặc biệt khó khăn" và dự án "Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo".

2.4. Tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách và dự án Chương trình MTQG giảm nghèo tại các huyện.

2.5. Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội trong vận động xây dựng Quỹ "Vì Người nghèo" để hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết cho người nghèo.

Phát động rộng rãi phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; phân công đoàn viên, hội viên giúp đỡ đoàn viên, hội viên nghèo vươn lên thoát nghèo.

2.6. Tranh thủ các nguồn vốn từ Trung ương cấp về cho tỉnh, ngân sách tỉnh đối ứng, huy động mọi nguồn vốn trong cộng đồng và các nguồn vốn quốc tế, các tổ chức phi chính phủ để thực hiện công tác giảm nghèo.

2.7. Tổ chức điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đến cuối năm 2020 để làm cơ sở sơ kết đánh giá công tác giảm nghèo và đề ra các giải pháp thực hiện công tác giảm nghèo năm 2020.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ năm 2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Kiên Giang./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN&PTNT;
- Bộ LĐ – TB và XH;
- VPĐP NTM TW;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPĐP NTM tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Đỗ Thanh Bình**